



ALV GROUP

Số: 23./2022/ALV-CBTT

V/v: Công bố Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDKC HÀ NỘI

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam

Căn cứ Điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Mã chứng khoán: ALV

Địa chỉ trụ sở chính: Số 77-79, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Email: congtyalv@gmail.com

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

CTCP xây dựng ALVICO xin trân trọng thông báo:

Công ty cổ phần xây dựng ALVICO công bố báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên website của ALVICO tại địa chỉ: <http://alvico.vn> kể từ ngày 30/03/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD;
- BKS;
- CBTT web <http://alvico.vn>
- Lưu VP

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
ALVICO**



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	8 - 9
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3300529819, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 14 tháng 02 năm 2022.

Công ty chuyển trụ sở chính từ Đường Trường Sơn, Tổ 3, Tổ dân phố 5, Thị trấn A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam sang địa chỉ số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam kể từ ngày 14/02/2022, đồng thời làm thủ tục chuyển địa điểm quyết toán thuế từ Chi cục Thuế Huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế sang Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội kể từ ngày 14/02/2022.

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Bà Lâm Thu Huyền	Chủ tịch
- Ông Bùi Minh Trường	Thành viên
- Bà Lê Thị Lộc	Thành viên

Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm các vị như sau:

Ban Tổng giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>	
- Ông Bùi Minh Trường	Tổng Giám đốc	(i) Đến ngày 27/12/2021
- Bà Lê Thị Thảo	Tổng Giám đốc	(ii) Kể từ ngày 27/12/2021
- Ông Phạm Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	(iii) Kể từ ngày 25/12/2021

(i) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 09/2021/NQ-HĐQT-ALV ngày 27/12/2021 miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty với Ông Bùi Minh Trường.

(ii) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/2021/NQ-HĐQT-ALV ngày 27/12/2021 bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty với Bà Lê Thị Thảo.

(iii) Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 07/2021/NQ-HĐQT-ALV ngày 25/12/2021 bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty với Ông Phạm Ngọc Phương.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Ban Kiểm soát:

Họ và tên:

- Bà Mai Thị Xuyên
- Bà Lê Hoàng Yến
- Ông Đặng Xuân Hòa

Chức vụ:

- Trưởng Ban Kiểm soát
- Thành viên
- Thành viên

Người đại diện theo pháp luật:

Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Bà Lê Thị Thảo - Tổng Giám đốc Công ty.

3. Trụ sở

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có trụ sở tại Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Văn phòng giao dịch của Công ty được đặt tại Tầng 6, tháp A, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và địa điểm kinh doanh Long Khánh có địa chỉ tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty chuyển trụ sở chính sang địa chỉ số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam kể từ ngày 14/02/2022, đồng thời làm thủ tục chuyển địa điểm, quyết toán thuế sang Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội kể từ ngày 14/02/2022.

Công ty mở địa điểm kinh doanh Long Khánh tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam từ ngày 18/03/2022.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

**THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC**



LÊ THỊ THẢO

Số: 20/2022/BCKT- PKF.NHN

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 8 đến trang 34 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã từ chối đưa ra ý kiến đối với báo cáo tài chính này tại ngày 01/04/2021.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

Hoàng Văn Anh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 ngày 12 năm 2021Mẫu số B 01 – DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		45.257.473.168	82.572.860.121
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.602.407.869	9.540.587.006
Tiền	111		13.602.407.869	9.540.587.006
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.516.173.612	72.416.586.180
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	9.065.077.505	29.318.661.294
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	4.939.364.348	23.025.332.948
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	2.030.000.000	16.330.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	-	9.974.029.770
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.8	(6.518.268.241)	(6.231.437.832)
Hàng tồn kho	140	5.6	16.802.198.334	601.798.117
Hàng tồn kho	141		16.802.198.334	601.798.117
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.336.693.353	13.888.818
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	-	13.888.818
Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.336.693.353	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.992.428.940	31.392.546.197
Các khoản phải thu dài hạn	210		390.000.000	29.780.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	5.5	390.000.000	29.780.000.000
Tài sản cố định	220		42.299.651.054	1.549.999.990
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	42.299.651.054	1.549.999.990
- Nguyên giá	222		44.347.718.182	2.000.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.048.067.128)	(450.000.010)
Tài sản dở dang dài hạn	240		624.139.100	-
Chi phí XD CB dở dang	242	5.7	624.139.100	-
Tài sản dài hạn khác	260		678.638.786	62.546.207
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	678.638.786	62.546.207
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.249.902.108	113.965.406.318

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.796.747.105	48.115.984.728
Nợ ngắn hạn	310		12.247.178.215	48.115.984.728
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	8.106.993.828	37.189.433.978
Người mua trả tiền trước	312	5.13	-	7.507.780.054
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.12	4.073.821.271	3.276.582.968
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14	-	75.824.612
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		66.363.116	66.363.116
Nợ dài hạn	330		5.549.568.890	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.15	5.549.568.890	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.453.155.003	65.849.421.590
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	71.453.155.003	65.849.421.590
Vốn góp của chủ sở hữu	411		56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		56.579.360.000	56.579.360.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(17.000.000)	(17.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		415.707.715	415.707.715
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.475.087.288	8.871.353.875
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		8.871.353.875	6.503.004.421
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.603.733.413	2.368.349.454
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.249.902.108	113.965.406.318

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 02 – DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	101.131.541.985	106.531.507.056
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	254.545.454	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		100.876.996.531	106.531.507.056
Giá vốn hàng bán	11	6.3	93.117.749.582	101.074.383.504
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		7.759.246.949	5.457.123.552
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	1.911.751.412	805.384
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	3.149.878.506	6.065.231.659
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.521.119.855	(607.302.723)
Thu nhập khác	31	6.6	1.749.459.512	3.567.851.337
Chi phí khác	32	6.7	1.012.730.081	102.505.758
Lợi nhuận khác	40		736.729.431	3.465.345.579
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.257.849.286	2.858.042.856
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	1.654.115.873	489.693.402
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.603.733.413	2.368.349.454
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	6.10	990	419
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71	6.10	990	419

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 – DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2021	Năm 2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SX KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	7.257.849.286	2.858.042.856
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.598.067.118	684.291.332
Các khoản dự phòng	03	5.836.399.299	4.106.929.348
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.911.751.412)	(386.087.102)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	12.780.564.291	7.263.176.434
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	42.586.888.806	(27.151.891.635)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(16.200.400.217)	3.404.086.149
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(37.522.922.386)	5.944.601.025
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(602.203.761)	9.392.810
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(451.812.747)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.041.926.733	(10.982.447.964)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(42.971.857.282)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	20.200.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(16.330.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	16.300.000.000	-
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	29.780.000.000	15.220.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.911.751.412	805.384
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.019.894.130	19.090.805.384
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	4.061.820.863	8.108.357.420
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.540.587.006	1.432.229.586
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	13.602.407.869	9.540.587.006

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam. Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3300529819, đăng ký lần đầu vào ngày 21 tháng 01 năm 2008.

Công ty chuyển trụ sở chính tại địa chỉ “Đường Trường Sơn, Tổ 3, Tổ dân phố 5, Thị trấn A Lưới, Huyện A Lưới, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam” sang địa chỉ tại “số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam” kể từ ngày 14/02/2022, đồng thời làm thủ tục chuyển địa điểm quyết toán thuế từ Chi cục Thuế Huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế sang Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội kể từ ngày 14/02/2022 và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần đăng ký thay đổi lần thứ 16 vào ngày 14/02/2022.

Công ty có Văn phòng giao dịch tại Tầng 6, tháp A, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam (được Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay đổi lần 1 vào ngày 08/03/2021). Công ty có đăng ký địa điểm kinh doanh “Địa điểm kinh doanh Long Khánh – Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO” có địa chỉ tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (theo Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh với mã số địa điểm kinh doanh 0002 đăng ký lần đầu do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 18/03/2022).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác và chế biến đá, cát, sỏi, đất sét;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Không bao gồm Bán buôn vàng, bạc và kim loại quý khác);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Cho thuê xe có động cơ;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bến cảng, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, khu du lịch.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty Cổ phần Xây dựng ALVICO có trụ sở tại Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam. Văn phòng giao dịch của Công ty được đặt tại Tầng 6, tháp A, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam và địa điểm kinh doanh Long Khánh có địa chỉ tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 18 người (tại ngày 31/12/2020 là 20 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay theo khế ước các bên nhưng không được mua, bán trên thị trường chứng khoán. Tùy theo hợp đồng, các khoản cho vay theo khế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành số ghi nhận tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

4.4. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.8. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“BCC”) là thỏa thuận của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. BCC có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia trong BCC có thể thỏa thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Công ty tham gia BCC theo thỏa thuận chia lợi nhuận phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của BCC.

Nguyên tắc phân chia doanh thu, chi phí, sản phẩm của BCC:

- Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế và tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh sẽ dùng một tỷ lệ xác định trong lợi nhuận ròng để trích lập các quỹ theo quyết định của các bên;
- Tương ứng với tỷ lệ vốn góp của các bên, lợi nhuận còn lại sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn, đồng thời các bên chịu mọi rủi ro của Công ty trong quá trình kinh doanh theo tỷ lệ góp vốn của mỗi bên;
- Việc lập các quỹ, phân chia lợi nhuận chỉ được thực hiện khi Công ty được thành lập từ hợp đồng hợp tác kinh doanh có lãi và việc xác định kết quả kinh doanh được tính theo năm tài chính của Công ty đó.

4.9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.10. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.11. Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong năm tài chính đó.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí phần chênh lệch tương ứng.

4.13. Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở năm kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở năm kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở năm kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của năm kế toán đó.

Dự phòng phải trả của Công ty là khoản dự phòng bảo hành sản phẩm đã bán được Công ty cam kết bảo hành tại hợp đồng bán hàng.

4.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.15. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được khách hàng chấp nhận.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.16. Giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của thành phẩm, dịch vụ bán ra và hoạt động xây lắp nghiệm thu trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

4.17. Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định, và các chi phí tài chính khác phát sinh trong năm tài chính.

4.18. Thuế

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.19. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

4.20. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	672.159.089	2.559.768.989
Tiền gửi ngân hàng (ii)	12.930.248.780	6.980.818.017
Cộng	13.602.407.869	9.540.587.006

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ		-
Đồng Việt Nam		672.159.089
Cộng		672.159.089

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam		12.930.248.780
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoàng Mai		3.151.836.348
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Hải Phòng		9.152.666.862
Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín – CN Thủ Đức		617.678.732
Các ngân hàng khác		8.066.838
Ngoại tệ		-
Cộng		12.930.248.780

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a) Ngắn hạn	9.065.077.505	29.318.661.294
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	1.584.508.484
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng	2.481.829.000	18.481.829.000
Công ty CP Tập đoàn Phú Minh Sơn	-	2.820.417.670
Công ty CP XNK và TM Phú Minh Châu - chi nhánh Đồng Nai	1.388.095.000	3.784.406.140
Công ty CP Dịch vụ Đầu tư Thương mại 5S Việt	1.922.769.160	-
Công ty TNHH Năng lượng mới EU - Conch Venture Bắc Ninh	1.215.746.362	2.647.500.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	472.129.499	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	9.065.077.505	29.318.661.294

5.3 Trả trước cho người bán

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a) Ngắn hạn	4.939.364.348	23.025.332.948
Công ty CP Khoáng sản và Đầu tư Visaco	2.851.240.883	2.851.240.883
Công ty TNHH MTV DV-TM Hào Thành Tâm	1.255.688.465	1.255.688.465
Công ty CP Tập đoàn Phú Minh Sơn	-	8.200.000.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ V.I.P	-	10.000.000.000
Công ty TNHH TM & DV Tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	540.000.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	292.435.000	178.403.600
b) Dài hạn	-	-
Cộng	4.939.364.348	23.025.332.948

5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Công ty CP Kinh doanh Quốc tế Đại Việt (*)	2.030.000.000	8.330.000.000
Ông Đặng Xuân Mạnh	-	8.000.000.000
Cộng	2.030.000.000	16.330.000.000

(*) Công ty cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Quốc tế Đại Việt vay ngắn hạn theo hợp đồng vay số 01/2021/HĐVT/ALVICO-ĐV ngày 10/05/2021, thời gian vay tối đa là 12 tháng được tính từ ngày chuyển tiền cho vay, lãi suất cho vay là 11%/năm.

5.5 Phải thu khác

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	-	-	9.974.029.770	-
Tạm ứng	-	-	4.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	-	-	5.974.029.770	-
b) Dài hạn	390.000.000	-	29.780.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	390.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng (*)	-	-	29.780.000.000	-
Cộng	390.000.000	-	39.754.029.770	-

(*) Khoản hợp tác đầu tư theo Nghị quyết số 07/2018/ALV/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 12 năm 2018 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28.12/2018/BCC/BDC-ALV ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Xi măng Bạch Đằng (“Bạch Đằng”) để đầu tư vào “Dự án đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Liên Khê” tại huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng do Bạch Đằng làm chủ đầu tư theo Quyết định chủ trương đầu tư của UBND thành phố Hải Phòng số 1901/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2017 và giấy phép xây dựng số 41/GPXD do Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng cấp ngày 7 tháng 11 năm 2018. Thời hạn của hợp đồng là 15 năm, tổng vốn đầu tư của dự án là 2.957.822.000.000 đồng, trong đó vốn đầu tư của Công ty là 45.000.000.000

đồng. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ Dự án sẽ được phân chia theo tỷ lệ vốn góp thực tế của các bên.

Công ty đã tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 27/12/2019, qua đó Đại hội cổ đông đã thông qua việc thay đổi phương án đầu tư vào Công ty CP Xi măng Bạch Đằng. Căn cứ vào việc thay đổi phương án đầu tư (theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 05/2019/NQ-ĐHĐCĐ-ALV), Công ty đã thực hiện thu hồi toàn bộ khoản vốn đầu tư như sau:

- + Ngày 24/12/2020, thu hồi bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền 15.220.000.000 đồng.
- + Ngày 25/03/2021, thu hồi toàn bộ giá trị khoản đầu tư còn lại bằng tiền gửi ngân hàng với số tiền 29.780.000.000 đồng.

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.090.395.000	-	246.366.000	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	355.432.117	-
Hàng hóa	15.711.803.334	-	-	-
Cộng	16.802.198.334	-	601.798.117	-

5.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Xây dựng cơ bản: Thi công hệ thống bơm nước tại Đồng Nai	624.139.100	-
Cộng	624.139.100	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 – DN

5.8 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	6.518.268.241	-	6.518.268.241	6.231.437.832
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	-	-	-
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	-	-	-
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	-	-	-
Trên 3 năm	6.518.268.241	-	6.518.268.241	6.231.437.832
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.871.338.893	-	1.871.338.893	1.584.508.484
Công ty Cổ phần Edico	1.584.508.484	-	1.584.508.484	1.584.508.484
Công ty CP Khoáng sản và Dầu tư Visaco	286.830.409	-	286.830.409	-
Trả trước cho người bán	4.646.929.348	-	4.646.929.348	4.646.929.348
Công ty CP Khoáng sản và Dầu tư Visaco	2.851.240.883	-	2.851.240.883	2.851.240.883
Công ty TNHH MTV DV-TM Hào Thành Tâm	1.255.688.465	-	1.255.688.465	1.255.688.465
Công ty TNHH TM & DV Tổng hợp Khởi Minh	540.000.000	-	540.000.000	540.000.000
Cộng	6.518.268.241	-	6.518.268.241	6.231.437.832

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 – DN

5.9 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, trang thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000
- Mua trong năm	26.132.272.727	16.165.000.000	50.445.455	42.347.718.182
Số dư tại ngày 31/12/2021	28.132.272.727	16.165.000.000	50.445.455	44.347.718.182
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2021	450.000.010	-	-	450.000.010
- Khấu hao trong năm	1.426.343.480	163.749.998	7.973.640	1.598.067.118
Số dư tại ngày 31/12/2021	1.876.343.490	163.749.998	7.973.640	2.048.067.128
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2021	1.549.999.990	-	-	1.549.999.990
Tại ngày 31/12/2021	26.255.929.237	16.001.250.002	42.471.815	42.299.651.054

Nguyên giá tài sản thế chấp các khoản vay:

Giá trị còn lại tài sản thế chấp các khoản vay:

-

-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Địa chỉ: Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 – DN

5.10 Chi phí trả trước

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a) Ngắn hạn	-	13.888.818
Công cụ, dụng cụ	-	13.888.818
b) Dài hạn	678.638.786	62.546.207
Công cụ, dụng cụ	359.204.152	56.706.400
Chi phí sửa chữa vẫn phòng	317.561.499	-
Chi phí phân bổ khác	1.873.135	5.839.807
Cộng	678.638.786	76.435.025

5.11 Phải trả người bán

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	8.106.993.828	8.106.993.828	37.189.433.978	37.189.433.978
Công ty TNHH Xây dựng BVT	-	-	1.556.379.000	1.556.379.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Tổng hợp Thọ rường	-	-	2.191.230.638	2.191.230.638
Công ty TNHH Xây dựng Chấn Nam	-	-	10.768.719.575	10.768.719.575
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Đông Hải	2.501.701.730	2.501.701.730	3.290.661.960	3.290.661.960
Công ty TNHH Thương mại Thịnh Vương	-	-	2.625.953.470	2.625.953.470
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bùi Gia Trang	155.518.121	155.518.121	2.559.295.415	2.559.295.415
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Hancorp1	-	-	5.172.011.998	5.172.011.998
Công ty TNHH Việt Đức	1.560.068.034	1.560.068.034	1.590.319.534	1.590.319.534
Công ty Cổ phần CeVina	1.097.240.894	1.097.240.894	-	-
Công ty Cổ phần Cao su Hải Phòng	959.200.000	959.200.000	-	-
Các khách hàng khác	1.833.265.049	1.833.265.049	7.434.862.388	7.434.862.388
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.106.993.828	8.106.993.828	37.189.433.978	37.189.433.978

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Địa chỉ: Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 – DN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2021 (VND)
a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.276.582.968	3.721.275.502	2.924.037.199	4.073.821.271
Thuế giá trị gia tăng	2.712.498.768	1.349.648.875	2.819.587.920	1.242.559.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	544.822.358	1.654.115.873	-	2.198.938.231
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	19.261.842	717.510.754	104.449.279	632.323.317

b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.13 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	-	-	7.507.780.054	7.507.780.054
Công ty CP thiết bị EPC Việt Nam	-	-	7.507.780.054	7.507.780.054
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	-	-	7.507.780.054	7.507.780.054

5.14 Phải trả khác

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a) Ngắn hạn	-	75.824.612
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	75.824.612
b) Dài hạn	-	-
Cộng	-	75.824.612

5.15 Dự phòng phải trả

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	5.549.568.890	-
Chi phí bảo hành công trình Cảng thủy nội địa (*)	5.549.568.890	-
Cộng	5.549.568.890	-

(*) Công ty trình cảng thủy nội địa đã được nghiệm thu quyết toán và đã được thanh toán toàn bộ. Công ty thực hiện trích lập dự phòng bảo hành công trình theo đúng quy định của hợp đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 – DN

5.16 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	Thặng dư vốn cổ phần (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2020	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	6.503.004.421	63.481.072.136
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.368.349.454	2.368.349.454
Số dư tại ngày 01/01/2021	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	8.871.353.875	65.849.421.590
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.603.733.413	5.603.733.413
Số dư tại ngày 31/12/2021	56.579.360.000	(17.000.000)	415.707.715	14.475.087.288	71.453.155.003

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Chi tiết số dư vốn góp của các cổ đông

	31/12/2021 (Tỷ lệ)	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ông Lê Văn Long	0,38%	217.000.000	3.217.000.000
Các Cổ đông khác	99,62%	56.362.360.000	53.362.360.000
Cộng	100%	56.579.360.000	56.579.360.000

Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng CP đăng ký phát hành	5.657.936	5.657.936
Số lượng CP đã bán ra công chúng	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu phổ thông	5.657.936	5.657.936
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Doanh thu bán hàng hóa	17.318.156.792	-
Doanh thu hoạt động xây lắp	81.773.070.963	106.531.507.056
Doanh thu cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác	2.040.314.230	-
Cộng	101.131.541.985	106.531.507.056

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Hàng bán bị trả lại	254.545.454	-
Cộng	254.545.454	-

6.3 Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Giá vốn bán hàng hóa	16.543.521.301	-
Giá vốn hoạt động xây lắp	75.137.768.771	101.074.383.504
Giá vốn cung cấp dịch vụ, sản phẩm khác	1.436.459.510	-
Cộng	93.117.749.582	101.074.383.504

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.911.751.412	805.384
Cộng	1.911.751.412	805.384

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	3.149.878.506	6.065.231.659
Chi phí nhân viên	1.126.160.308	1.103.913.423
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.973.640	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	286.830.409	4.106.929.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	890.116.474	-
Chi phí khác bằng tiền	838.797.675	854.388.888
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	-	-
Cộng	3.149.878.506	6.065.231.659

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

6.6 Thu nhập khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Thanh lý nhượng bán TSCĐ	-	385.281.718
Nợ phải trả được khách hàng xóa nợ	1.658.550.422	3.182.569.619
Các khoản khác	90.909.090	-
Cộng	1.749.459.512	3.567.851.337

6.7 Chi phí khác

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Các khoản bị phạt, thuế truy thu	1.012.730.081	82.505.758
Các khoản khác.	-	20.000.000
Cộng	1.012.730.081	102.505.758

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.257.849.286	2.858.042.856
Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm	1.012.730.081	639.767.158
- Chi phí không được trừ	1.012.730.081	639.767.158
Tổng thu nhập chịu thuế	8.270.579.367	3.497.810.014
Thu nhập tính thuế	8.270.579.367	3.497.810.014
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.654.115.873	699.562.003
Chi phí thuế TNDN được giảm 30% theo Nghị quyết số của Chính phủ số 116/2020/QH14 năm 2020	-	209.868.601
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.654.115.873	489.693.402

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
a) Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.328.605.506	15.468.573.858
Chi phí nhân công	2.298.295.691	2.244.900.491
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.598.067.118	684.291.332
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.594.091.255	3.980.746.328
Chi phí khác bằng tiền	6.675.196.974	6.351.072.119
b) Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	37.494.256.544	28.729.584.128

6.10 Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	5.603.733.413	2.368.349.454
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.603.733.413	2.368.349.454
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.657.936	5.657.936
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	990	419

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin về các bên có liên quan**Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Năm 2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	150.532.154	142.565.268
Cộng	150.532.154	142.565.268

7.2 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty chuyển trụ sở chính sang địa chỉ số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam kể từ ngày 14/02/2022, đồng thời làm thủ tục chuyển địa điểm quyết toán thuế sang Chi cục Thuế quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội kể từ ngày 14/02/2022.

Công ty mở địa điểm kinh doanh Long Khánh tại số 16, đường 16, khu phố Phú Mỹ, Phường Xuân Lập, Thành phố Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam từ ngày 18/03/2022.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

7.3 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: hoạt động bán hàng hóa, hoạt động xây lắp và hoạt động khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo loại hình như sau:

Lĩnh vực kinh doanh	Bán hàng hóa	Xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng
Doanh thu	17.318.156.792	81.773.070.963	2.040.314.230	101.131.541.985
Các khoản giảm trừ doanh thu	254.545.454	-	-	254.545.454
Giá vốn	16.543.521.301	75.137.768.771	1.436.459.510	93.117.749.582
Lợi nhuận gộp	520.090.037	6.635.302.192	603.854.720	7.759.246.949

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu):

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

7.4 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 Năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, có thực hiện hồi tố một số chỉ tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chi tiết như sau:

Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán	Mã số	01/01/2021 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	01/01/2021 (trình bày lại)
NỢ PHẢI TRẢ	300	47.571.162.370	544.822.358	48.115.984.728
Nợ ngắn hạn	310	47.571.162.370	544.822.358	48.115.984.728
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước (*)	313	2.731.760.610	544.822.358	3.276.582.968
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	66.394.243.948	(544.822.358)	65.849.421.590
Vốn chủ sở hữu	410	66.394.243.948	(544.822.358)	65.849.421.590
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	421	9.416.176.233	(544.822.358)	8.871.353.875
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước (*)	421a	6.558.133.377	(55.128.956)	6.503.004.421
- LNST chưa phân phối kỳ này (*)	421b	2.858.042.856	(489.693.402)	2.368.349.454
Các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2020 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh	Năm 2020 (trình bày lại)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	489.693.402	489.693.402
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	2.858.042.856	(489.693.402)	2.368.349.454
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	505	(86)	419

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ALVICO

Số 77-79 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

(*) Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện quyết toán thuế cho thời kỳ từ 01/01/2018 đến 30/11/2021. Theo kết luận của Cục thuế Tỉnh Thừa Thiên Huế tại Quyết định 27/QĐ-CTTH ngày 07/01/2022 thì Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung cho năm 2019 là 55.128.956 đồng và năm 2020 là 489.693.402 đồng.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HÀ THỊ HỒNG NHUNG

HÀ THỊ HỒNG NHUNG

LÊ THỊ THẢO